

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phần I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

| STT | Tên thủ tục hành chính nội bộ | Thẩm quyền | Căn cứ pháp lý |
|------------|---|------------------------|---|
| A | TTHC NỘI BỘ CƠ QUAN, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN Ở TRUNG ƯƠNG ĐÃ BAN HÀNH QUY ĐỊNH; CƠ QUAN, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN Ở ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN HOẶC QUY ĐỊNH BỔ SUNG THEO THẨM QUYỀN ĐỂ THỰC HIỆN | | |
| I | Lĩnh vực đường bộ | | |
| 1. | Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. |
| II | Lĩnh vực đường thủy nội địa | | |
| 2. | Công bố danh mục luồng đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa |
| 3. | Công bố danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa |
| 4. | Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 5. | Quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao | Chủ tịch UBND | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 |

| STT | Tên thủ tục hành chính nội bộ | Thẩm quyền | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|------------------------|--|
| | thông đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng | cấp tỉnh | tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 6. | Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 7. | Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 8. | Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 9. | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 10. | Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 11. | Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và |

| STT | Tên thủ tục hành chính nội bộ | Thẩm quyền | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|------------------------|--|
| | | | khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 12. | Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 13. | Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính Phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa |
| 14. | Quyết định cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ GTVT Quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa |
| 15. | Quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa | Chủ tịch UBND cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22/12/2021 của Bộ GTVT Quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý |

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. TTHC nội bộ cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương đã ban hành quy định; cơ quan, người có thẩm quyền ở địa phương thực hiện hoặc quy định bổ sung theo thẩm quyền để thực hiện

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tạm giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này) quản lý.

- Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện về việc giao tài sản: 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

+ Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ở địa phương

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện.

+ Cơ quan phối hợp: Đơn vị quản lý đường bộ, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng xuyên công trình đường bộ;

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

+ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Công bố danh mục luồng đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

Sở Giao thông vận tải lập danh mục luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố. Danh mục luồng sau khi được công bố gửi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để tổng hợp, theo dõi;

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của Sở Giao thông vận tải kèm theo danh mục luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

- Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

+ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

3. Công bố danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Sở Giao thông vận tải tổ chức lập danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương hằng năm, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong quý I hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch nạo

vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh mục dự án cho năm tiếp theo;

+ Định kỳ trước ngày 30 tháng 4 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố danh mục dự án trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung: Tên, địa điểm, phạm vi, thời gian thực hiện dự án; chuẩn tắc nạo vét; tên, địa chỉ liên hệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Tờ trình phê duyệt mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương của Sở Giao thông vận tải;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong quý I hằng năm.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương;

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

+ Sự cần thiết đầu tư;

+ Không trùng lặp với dự án nạo vét đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc dự án bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa sử dụng vốn ngân sách nhà nước hằng năm đã được phê duyệt kế hoạch bảo trì;

+ Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

+ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa

4. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ 60 ngày kể từ ngày tài sản hoàn thành, đưa vào sử dụng, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức đang quản lý, sử dụng tài sản hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản và lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản rà soát, phân loại tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày tài sản hoàn thành, đưa vào sử dụng

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

+ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

5. Quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy

nội địa phục vụ mục đích công cộng

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì, lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích công cộng;

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý kèm theo danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

+ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

6. Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản: 01 bản chính;
+ Đề án khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đề án khai thác tài sản

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

- Yêu cầu, điều kiện:

Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trực tiếp tổ chức khai thác tài sản trong các trường hợp sau:

+ Tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia;
+ Áp dụng phương thức trực tiếp khai thác hiệu quả hơn phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này, bao gồm: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

+ Không có tổ chức đăng ký thực hiện phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- + Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

7. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ, gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án;

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản báo cáo của cơ quan được giao quản lý tài sản về việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản chưa phù hợp.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

+ Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 100 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Cơ quan

được giao quản lý tài sản

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
**CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản

2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

.....

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

- Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

+ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

8. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án;

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan được giao quản lý tài sản về việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;

+ Căn cứ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

+ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 100 ngày

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa **Phương thức khai thác:.....¹**

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

- a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp

tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

- **Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

+ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

9. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định;

+ Trường hợp thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 20 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ:

- Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi tài sản;

- Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều này.

+ Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa gắn với đất thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai, trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, cơ quan, người có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có ý kiến về phương án thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ lý do thu hồi đất, diện tích đất thu hồi, sự phù hợp của phương án thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các nội dung cần thiết khác.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

- + Cơ quan phối hợp: Không có
- + Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- **Phí, lệ phí:** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định sốngày...tháng...năm... của về việc.....;¹

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được thực hiện như sau:

I. Thành phần:

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

II. Nội dung:

1. Bảng phân loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....
.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

.....
.....
.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc giao tài sản/thu hồi tài sản/điều chuyển tài sản/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư).

² Số lượng/khối lượng tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.

³ Diện tích đất kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

⁴ Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

⁵ Nguyên giá tại cột số 8 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

⁶ Giá trị còn lại tại cột số 9 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị

định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ

⁷ Tình trạng tài sản ở cột số 10 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được.

- Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- + Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;
- + Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;
- + Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;
- + Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- + Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

10. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp; gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, doanh nghiệp: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (trong đó nêu rõ mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản chính;

d) Hồ sơ liên quan đến chuyển đổi công năng sử dụng tài sản (trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản sao;

đ) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển

| STT | Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản) | Ký hiệu tài sản | Đơn vị tính | Số lượng/ Khối lượng | Năm xây dựng | Năm đưa vào sử dụng | Diện tích (m ²) | | Giá trị | | Tình trạng tài sản | Ghi chú |
|-----|--|-----------------|-------------|-------------------------|--------------|---------------------|-----------------------------|-------------|------------|-----------------|--------------------|---------|
| | | | | | | | Đất | Sàn sử dụng | Nguyên giá | Giá trị còn lại | | |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ... | Khu neo đậu ngoài cảng | | | | | | | | | | | |
| II | Tuyến đường thủy nội địa B | | | | | | | | | | | |

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

- Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được điều chuyển trong các trường hợp sau:

- + Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản;
- + Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- + Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

11. Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cần bán, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bán tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán tài sản chưa phù hợp; gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị bán tài sản chưa phù hợp;

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị bán tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị bán (trong đó nêu rõ lý do bán, mục đích sử dụng hiện tại): 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao

quản lý tài sản

- + Cơ quan phối hợp: Không có
- + Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- **Phí, lệ phí:** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
Danh mục tài sản đề nghị bán

| STT | Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản) | Ký hiệu tài sản | Đơn vị tính | Số lượng/ Khối lượng | Năm xây dựng | Năm đưa vào sử dụng | Diện tích (m ²) | | Giá trị | | Tình trạng tài sản | Ghi chú |
|-----|--|-----------------|-------------|-------------------------|--------------|---------------------|-----------------------------|-------------|------------|-----------------|--------------------|---------|
| | | | | | | | Đất | Sàn sử dụng | Nguyên giá | Giá trị còn lại | | |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ... | Khu neo đậu ngoài cảng | | | | | | | | | | | |
| II | Tuyến đường thủy nội địa B | | | | | | | | | | | |

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

- Yêu cầu, điều kiện:

- + Tài sản bị thu hồi nhưng không còn nhu cầu sử dụng;
- + Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng và việc khai thác không hiệu quả;
- + Chuyên mục đích sử dụng đất gắn với chuyên đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo quy hoạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;
- + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- + Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

12. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

- + Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định;
- + Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp. Trường hợp vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản được xử lý theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài ngoài Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị, gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- + Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (trong đó nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính;
- + Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản
- + Cơ quan phối hợp: Không có
- + Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- **Phí, lệ phí:** Không quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**
Danh mục tài sản đề nghị thanh lý

| STT | Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản) | Ký hiệu tài sản | Đơn vị tính | Số lượng/ Khối lượng | Năm xây dựng | Năm đưa vào sử dụng | Diện tích (m ²) | | Giá trị | | Tình trạng tài sản | Ghi chú |
|-----|--|-----------------|-------------|-------------------------|--------------|---------------------|-----------------------------|-------------|------------|-----------------|--------------------|---------|
| | | | | | | | Đất | Sàn sử dụng | Nguyên giá | Giá trị còn lại | | |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ... | Khu neo đậu ngoài cảng | | | | | | | | | | | |
| II | Tuyến đường thủy nội địa B | | | | | | | | | | | |

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

- Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được thanh lý trong các trường hợp sau:

+ Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

+ Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa không sử dụng được theo công năng của tài sản;

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

+ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

13. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại

| STT | Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản) | Ký hiệu tài sản | Đơn vị tính | Số lượng/ Khối lượng | Năm xây dựng | Năm đưa vào sử dụng | Diện tích (m ²) | | Giá trị | | Tình trạng tài sản | Ghi chú |
|-----|--|-----------------|-------------|-------------------------|--------------|---------------------|-----------------------------|-------------|------------|-----------------|--------------------|---------|
| | | | | | | | Đất | Sàn sử dụng | Nguyên giá | Giá trị còn lại | | |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ... | Khu neo đậu ngoài cảng | | | | | | | | | | | |
| II | Tuyến đường thủy nội địa B | | | | | | | | | | | |

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

- **Yêu cầu, điều kiện:** Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

- **Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
+ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP 13/3/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

14. Quyết định cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa

- **Trình tự thực hiện:**

+ Sở Giao thông vận tải cập nhật, bổ sung, tổng hợp trình Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cấp và điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương đảm bảo phù hợp với thực tế;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp và điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Tờ trình quyết định cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Cơ quan được giao quản lý tài sản

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương;

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

- **Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ GTVT Quy

định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa

15. Quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa

- Trình tự thực hiện:

+ Trên cơ sở tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22/12/2021 của Bộ GTVT, Sở Giao thông vận tải căn cứ thực tế, xây dựng tiêu chí đánh giá trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương.

+ Sau khi nhận được Tờ trình của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

+ Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương;

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22/12/2021 của Bộ GTVT Quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý./.